

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
(đã được kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	06-43
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	16-43

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 14/GPĐC-UBCK cấp ngày 01 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/07/2021
Ông Lê Bảo Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 26/07/2021
Bà Phùng Tố Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Ngô Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Đoàn Thị An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Lại Thị Sen	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/03/2021

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đoàn Thị An	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2021
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2021

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Chung  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 26 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



*(Handwritten signature in blue ink)*

*(Handwritten signature in blue ink)*

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021*



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.837.005.529.727</b>	<b>857.746.725.649</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>1.823.969.352.799</b>	<b>857.104.110.815</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	39.008.854.369	124.647.915.295
111.1	1.1 Tiền		39.008.854.369	124.647.915.295
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	673.153.840.340	229.242.286.810
114	3. Các khoản cho vay	5	1.065.655.999.491	512.516.277.602
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(7.022.618.481)	(9.326.368.892)
117	5. Các khoản phải thu	7	52.952.520.000	-
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		50.312.520.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.640.000.000	-
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		2.640.000.000	-
118	6. Trả trước cho người bán		220.757.080	-
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	24.000.000	24.000.000
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(24.000.000)	-
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13.036.176.928</b>	<b>642.614.834</b>
131	1. Tạm ứng		23.900.000	17.500.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	13.012.276.928	625.114.834
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>29.248.014.223</b>	<b>21.852.240.384</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.397.875.176</b>	<b>3.026.896.279</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.177.875.175	3.026.896.279
222	- Nguyên giá		23.174.215.308	20.511.033.308
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.996.340.133)	(17.484.137.029)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.220.000.001	-
228	- Nguyên giá		13.411.718.497	10.076.718.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.191.718.496)	(10.076.718.497)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.850.139.047</b>	<b>18.825.344.105</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	1.220.819.108	604.349.108
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.824.967.430	2.916.642.488
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	17.804.352.509	15.304.352.509
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.866.253.543.950</b>	<b>879.598.966.033</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>912.572.386.176</b>	<b>101.536.854.112</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>300.970.124.810</b>	<b>88.987.447.840</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	29.926.835.824	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		29.926.835.824	-
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	163.434.031.482	51.100.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	3.117.754.956	1.810.973.837
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	16	43.128.074.366	2.096.787.000
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		626.000.000	20.000.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	18.235.749.269	4.750.126.993
323	7. Phải trả người lao động		441.714.256	335.965.218
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		234.512.980	160.744.980
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	19.700.372.800	4.493.430.076
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	19.773.277.483	23.965.147.242
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.351.801.394	254.272.494
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>611.602.261.366</b>	<b>12.549.406.272</b>
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	15	571.680.000.000	-
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37.2	39.922.261.366	12.549.406.272
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>953.681.157.774</b>	<b>778.062.111.921</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>953.681.157.774</b>	<b>778.062.111.921</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		600.004.000.000	600.004.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		600.004.000.000	600.004.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.004.000.000	600.004.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.000.000.000	6.000.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.000.000.000	6.000.000.000
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		341.677.157.774	166.058.111.921
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		183.932.912.111	117.805.286.634
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		157.744.245.663	48.252.825.287
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.866.253.543.950</b>	<b>879.598.966.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<b>Mã số</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		60.000.400	60.000.400
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	256.325.890.000	126.907.010.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	22	1.530.000	1.550.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	23	200.000.000	-
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	24	30.000.020.000	30.000.000.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	25	4.824.121.160.000	4.218.536.570.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		3.831.772.520.000	3.524.365.950.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		259.863.400.000	59.392.560.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		554.885.450.000	320.665.450.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		40.406.010.000	530.840.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		137.193.780.000	313.581.770.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26	18.152.520.000	18.195.590.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		18.002.520.000	18.045.590.000
022.4	d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	27	117.796.010.000	278.644.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
026	4. Tiền gửi của khách hàng	28	373.505.331.503	488.101.946.340
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		117.011.383.603	372.217.787.440
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		256.012.664.000	115.750.120.900
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		256.012.664.000	115.750.120.900
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		481.283.900	134.038.000
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	373.024.047.603	487.967.908.340
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		372.624.287.917	487.911.823.732
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		399.759.686	56.084.608
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	481.283.900	134.038.000



**Nguyễn Bích Hằng**  
Người lập



**Vũ Thị Thanh Hằng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thành Chung**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

06 tháng đầu năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	197.241.620.315	129.558.225.400
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.300.003.348	47.380.322.410
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	157.129.488.110	81.650.403.290
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	6.812.128.857	527.499.700
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	2.924.331.007
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	38.305.300.575	28.055.918.318
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	50.065.103.601	13.880.595.989
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	73.004.096.818	-
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	950.386.120	940.178.224
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.088.181.818	209.654.421
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	12.143.394.429	-
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>377.798.083.676</b>	<b>175.568.903.359</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	26.279.839.595	115.869.729.980
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	6.014.626.955	61.838.750.480
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.265.212.640	54.030.979.500
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(2.303.750.411)	401.031.534
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	1.685.524.237	986.424.181
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	42.066.611.250	16.286.320.453
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	58.844.396.223	-
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	939.633.114	980.861.392
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.577.549.166	922.860.735
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	2.533.876.299	-
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>131.623.679.473</b>	<b>135.447.228.275</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

06 tháng đầu năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>34</b>		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.585.500.394	595.807.782
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>1.585.500.394</b>	<b>595.807.782</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>35</b>		
52	4.1 Chi phí lãi vay		14.932.225.761	16.831.976.439
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>14.932.225.761</b>	<b>16.831.976.439</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>36</b>	<b>11.556.978.323</b>	<b>14.166.902.560</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>221.270.700.513</b>	<b>9.718.603.867</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác		-	20.765.150
72	8.2 Chi phí khác		-	464.190.887
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>-</b>	<b>(443.425.737)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>221.270.700.513</b>	<b>9.275.178.130</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		84.406.425.043	(18.344.245.660)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		136.864.275.470	27.619.423.790
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>37</b>	<b>43.151.654.660</b>	<b>5.523.884.758</b>
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.1	15.778.799.566	-
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37.2	27.372.855.094	5.523.884.758
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>178.119.045.853</b>	<b>3.751.293.372</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	38	2.969	63

  
Nguyễn Bích Hằng  
Người lập

  
Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thành Chung  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

06 tháng đầu năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		221.270.700.513	9.275.178.130
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.809.178.059	17.067.304.203
03	- Khấu hao tài sản cố định		742.203.103	430.104.012
04	- Các khoản dự phòng		(2.279.750.411)	401.031.534
06	- Chi phí lãi vay		14.932.225.761	16.831.976.439
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.585.500.394)	(595.807.782)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		20.265.212.640	54.030.979.500
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		20.265.212.640	54.030.979.500
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(157.129.488.110)	(81.650.403.290)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(157.129.488.110)	(81.650.403.290)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(890.733.818.246)	156.041.878.743
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(307.047.278.060)	(10.174.464.890)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(553.139.721.889)	150.053.787.586
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(50.312.520.000)	1.759.580.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(2.640.000.000)	153.070.810
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		606.000.000	(66.000.000)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		-	(328.303.206)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.506.400.000)	(1.472.446.388)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		4.193.321.533	(1.434.551.275)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(11.295.487.036)	1.214.119.906
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.872.796.497)	-
44	- Lãi vay đã trả		(3.918.604.570)	(18.027.816.234)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		40.810.530.286	22.152.637.030
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		73.768.000	41.434.000
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		1.579.619.207	(198.572.843)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		105.749.038	(4.387.712)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(2.351.057.158)	11.951.585.547
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	661.606.412
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.018.941.100)	(239.400.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(794.518.215.144)	154.764.937.286



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

06 tháng đầu năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.113.182.000)	(1.742.500.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.585.500.394	595.807.782
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.527.681.606)</b>	<b>(1.146.692.218)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
73	1. Tiền vay gốc		804.580.000.000	422.600.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		804.580.000.000	422.600.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(91.173.164.176)	(737.400.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(91.173.164.176)	(737.400.000.000)
80	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>713.406.835.824</b>	<b>(314.800.000.000)</b>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(85.639.060.926)</b>	<b>(161.181.754.932)</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>124.647.915.295</b>	<b>238.619.518.590</b>
101.1	- Tiền		124.647.915.295	198.619.518.590
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>39.008.854.369</b>	<b>77.437.763.658</b>
103.1	- Tiền		39.008.854.369	77.437.763.658

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA  
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		21.038.515.637.000	5.311.199.006.940
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(21.541.991.384.300)	(5.244.308.602.700)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		28.883.062.346.783	8.422.551.867.386
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(28.494.530.460.220)	(8.480.631.652.149)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		20.452.267.310	38.247.123.967
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(20.105.021.410)	(38.247.123.967)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(114.596.614.837)</b>	<b>8.810.619.477</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>		<b>488.101.946.340</b>	<b>131.267.834.864</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		488.101.946.340	131.267.834.864
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		372.217.787.440	35.657.876.364
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		115.750.120.900	95.605.958.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		134.038.000	4.000.000
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>28</b>	<b>373.505.331.503</b>	<b>140.078.454.341</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		373.505.331.503	140.078.454.341
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		117.011.383.603	81.689.170.841
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		256.012.664.000	58.385.283.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		481.283.900	4.000.000


Nguyễn Bích Hằng  
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởngNguyễn Thành Chung  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
06 tháng đầu năm 2021

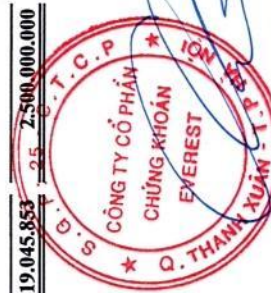
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2020		06 tháng đầu năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.004.000.000	-	-	-	-	600.004.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		600.004.000.000	-	-	-	-	600.004.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		109.246.684.502	3.751.293.372	400.000.000	178.119.045.853	2.500.000.000	112.597.977.874
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		110.190.418.071	(18.344.245.660)	400.000.000	68.627.625.477	2.500.000.000	91.446.172.411
		(943.733.569)	22.095.539.032	-	109.491.420.376	-	21.151.805.463
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>721.250.684.502</b>	<b>3.751.293.372</b>	<b>400.000.000</b>	<b>178.119.045.853</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>953.681.157.774</b>

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Bích Hằng  
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chung  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2021

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 14/GPĐC-UBCK cấp ngày 01 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.004.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 600.004.000.000 đồng; trong đó có 60.000.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 97 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Văn phòng Công ty	Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng M, Toà nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Bà Triệu	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như chỉ số VN-INDEX tăng trưởng mạnh mẽ và thiết lập các mức đỉnh mới. Giá trị thị trường của các cổ phiếu, số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản cũng như dòng tiền tăng lên rất cao. Những yếu tố này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### **2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

#### **a) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.



Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chi tiêu: chi tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chi tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.



**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 08 năm
- Các tài sản vô hình khác	02 - 05 năm

## 2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.



**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## 2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

## 2.12 . Doanh thu, thu nhập

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty FVTPL được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

**2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu;

**2.15 . Các khoản thuế**

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.18 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>41.781.196</b>	<b>6.398.638.515.836</b>
- Cổ phiếu	18.286.900	849.036.970.000
- Trái phiếu	23.494.296	5.549.601.545.836
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>1.797.944.659</b>	<b>41.281.907.190.000</b>
- Cổ phiếu	1.780.981.939	40.010.287.160.000
- Trái phiếu	16.962.720	1.271.620.030.000
	<b>1.839.725.855</b>	<b>47.680.545.705.836</b>

## 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	219.530.459	28.113.705
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	38.789.323.910	124.619.801.590
	<b>39.008.854.369</b>	<b>124.647.915.295</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	356.718.995.366	556.333.188.000	110.512.369.646	173.262.286.810
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu	60.840.652.340	60.840.652.340	-	-
	<b>473.542.533.506</b>	<b>673.153.840.340</b>	<b>166.495.255.446</b>	<b>229.242.286.810</b>

(\*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 30/06/2021.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**b) Các khoản cho vay**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	964.421.579.098	501.265.976.029
Hoạt động ứng trước tiền bán	101.234.420.393	11.250.301.573
	<b>1.065.655.999.491</b>	<b>512.516.277.602</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	<b>473.542.533.506</b>	<b>166.495.255.446</b>	<b>673.153.840.340</b>	<b>229.242.163.010</b>	<b>207.310.857.640</b>	<b>62.753.204.756</b>	<b>(7.699.550.806)</b>	<b>(6.173.392)</b>	<b>673.153.840.340</b>	<b>229.242.286.810</b>
Cổ phiếu niêm yết	356.718.995.366	110.512.369.646	556.333.188.000	173.262.163.010	207.310.857.640	62.753.204.756	(7.696.665.006)	(3.287.592)	556.333.188.000	173.262.286.810
- GMA	5.000.000.000	5.000.000.000	56.520.000.000	46.350.000.000	51.520.000.000	41.350.000.000	-	-	56.520.000.000	46.350.000.000
- NVB	105.503.377.000	105.503.377.000	244.921.882.900	126.902.530.000	139.418.505.900	21.399.153.000	-	-	244.921.882.900	126.902.530.000
- VCB	10.173.168.630	278.630	11.407.898.400	587.400	1.234.729.770	308.770	-	-	11.407.898.400	587.400
- PTB	20.818.144.600	-	22.529.664.000	-	1.711.519.400	-	-	-	22.529.664.000	-
- GEX	119.850.000.000	-	112.200.000.000	-	-	-	(7.650.000.000)	-	112.200.000.000	-
- TBD	79.250.000.000	-	91.910.000.000	-	12.660.000.000	-	-	-	91.910.000.000	-
- VHM	12.220.126.000	-	12.908.020.000	-	687.894.000	-	-	-	12.908.020.000	-
- PHR	3.062.210.000	-	3.067.720.000	-	5.510.000	-	-	-	3.067.720.000	-
- VCS	485.345.100	-	544.000.000	-	58.654.900	-	-	-	544.000.000	-
- Cổ phiếu lẻ	356.624.036	8.714.016	324.002.700	9.045.610	14.043.670	3.742.986	(46.665.006)	(3.287.592)	324.002.700	9.169.410
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
- Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (*)	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Trái phiếu	60.840.652.340	-	60.840.652.340	-	-	-	-	-	60.840.652.340	-
- Công ty Cổ phần Dành dưỡng nông nghiệp Quốc tế (**)	60.840.652.340	-	60.840.652.340	-	-	-	-	-	60.840.652.340	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>473.542.533.506</b>	<b>166.495.255.446</b>	<b>673.153.840.340</b>	<b>229.242.163.010</b>	<b>207.310.857.640</b>	<b>62.753.204.756</b>	<b>(7.699.550.806)</b>	<b>(6.173.392)</b>	<b>673.153.840.340</b>	<b>229.242.286.810</b>

**Ghi chú:**

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đạt chứng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị thị trường Công ty thận trọng xác định bằng 0.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị thị trường. Theo đó giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(\*\*) Trái phiếu Công ty Cổ phần Dành dưỡng nông nghiệp Quốc tế có kỳ hạn 05 năm (01/09/2016 - 01/09/2021); số lượng: 600.000 trái phiếu; mệnh giá 100.000/ trái phiếu; lãi suất đối với 02 kỳ tính lãi đầu tiên có định 7%/năm, đối với các kỳ tính lãi còn lại tính theo lãi suất thả nổi được xác định bằng tổng 1,5%/năm và lãi suất tham chiếu.

25  
GTY  
HUNG  
EVE  
XU  
25  
TRAI  
LAI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	7.022.618.481	9.326.368.892
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>7.022.618.481</b>	<b>9.326.368.892</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	50.312.520.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.640.000.000	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	24.000.000	24.000.000
- <i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
	<b>52.976.520.000</b>	<b>24.000.000</b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21.079.998	-
Chi phí thuê văn phòng	130.689.466	131.366.906
Chi phí bảo trì phần mềm	151.623.437	190.402.425
Chi phí thuê đường truyền	134.912.327	152.282.009
Chi phí hỗ trợ kinh doanh trái phiếu	11.854.144.603	-
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	223.705.625	-
Chi phí tổ chức sự kiện	210.288.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	285.833.472	151.063.494
	<b>13.012.276.928</b>	<b>625.114.834</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.009.376.176	921.892.519
Chi phí thuê văn phòng	394.735.244	1.578.940.982
Chi phí trả trước dài hạn khác	420.856.010	415.808.987
	<b>1.824.967.430</b>	<b>2.916.642.488</b>

**9 . CẦM CỔ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ký quỹ hợp đồng thuê văn phòng	1.220.269.108	604.099.108
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	550.000	250.000
	<b>1.220.819.108</b>	<b>604.349.108</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2021	17.871.363.031	1.871.862.300	222.812.000	544.995.977	20.511.033.308
Mua trong kỳ	-	2.663.182.000	-	-	2.663.182.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>17.871.363.031</b>	<b>4.535.044.300</b>	<b>222.812.000</b>	<b>544.995.977</b>	<b>23.174.215.308</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2021	14.844.466.752	1.871.862.300	222.812.000	544.995.977	17.484.137.029
Khấu hao trong kỳ	512.203.104	-	-	-	512.203.104
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>15.356.669.856</b>	<b>1.871.862.300</b>	<b>222.812.000</b>	<b>544.995.977</b>	<b>17.996.340.133</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2021	3.026.896.279	-	-	-	3.026.896.279
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.514.693.175</b>	<b>2.663.182.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.177.875.175</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.748.803.800 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Mua trong kỳ	3.950.000.000	-	3.950.000.000
Giảm khác	(615.000.000)	-	(615.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>8.661.428.889</b>	<b>4.750.289.608</b>	<b>13.411.718.497</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Khấu hao trong kỳ	229.999.999	-	229.999.999
Giảm khác	(115.000.000)	-	(115.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>5.441.428.888</b>	<b>4.750.289.608</b>	<b>10.191.718.496</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>3.220.000.001</b>	<b>-</b>	<b>3.220.000.001</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	12.939.704.599	11.459.388.560
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	4.744.647.910	3.724.963.949
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.804.352.509</b>	<b>15.304.352.509</b>

**13 . VAY VÀ NỢ**

	01/01/2021	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	70.000.000.000	(40.073.164.176)	29.926.835.824
Vay ngân hàng	-	70.000.000.000	(40.073.164.176)	29.926.835.824
	-	<b>70.000.000.000</b>	<b>(40.073.164.176)</b>	<b>29.926.835.824</b>
<b>Chi tiết các khoản vay ngắn hạn</b>				
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup>			29.926.835.824	-
			<b>29.926.835.824</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng hạn mức thấu chi số 001/21/HĐHM-9213 ngày 21/01/2021 cùng với Phụ lục số 001/PLHĐHMTD/001/21/HĐHM-9213 ngày 28/01/2021 và Phụ lục số 002/PLHĐHMTD/001/21/HĐHM-9213 ngày 25/02/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức thấu chi tài khoản: 150.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động tạm thời để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp; bổ sung vốn hoạt động kinh doanh ngắn hạn (ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay margin chứng khoán, các chi phí bổ sung vốn lưu động khác phù hợp với hoạt động kinh doanh);
  - + Thời hạn hạn mức thấu chi: từ ngày 21/01/2021 đến 21/01/2022;
  - + Lãi suất cho vay: 10,7%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.

**14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.937.133.635	1.612.988.569
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	180.621.321	197.985.268
	<b><u>3.117.754.956</u></b>	<b><u>1.810.973.837</u></b>

**15 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH**

	01/01/2021	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Cá nhân	51.100.000.000	734.580.000.000	(51.100.000.000)	734.580.000.000
Phải trả về chi phí phát hành trái phiếu	-	776.285.918	(242.254.436)	534.031.482
	<b><u>51.100.000.000</u></b>	<b><u>735.356.285.918</u></b>	<b><u>(51.342.254.436)</u></b>	<b><u>735.114.031.482</u></b>

**Thông tin chi tiết về khoản trái phiếu phát hành tại thời điểm cuối kỳ kế toán:****Trái phiếu phát hành lần 1 năm 2021:**

- + Mã trái phiếu: EVSH2122001;
- + Khối lượng phát hành: 20.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 10/03/2021;
- + Ngày đáo hạn: 10/03/2022;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 12 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 9,5%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2021: 16.290 trái phiếu tương ứng với giá trị 162,9 tỷ đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**Trái phiếu phát hành lần 2 năm 2021:**

- + Mã trái phiếu: EVSH2124002;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 10/03/2021;
- + Ngày đáo hạn: 10/03/2024;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2021: 30.000 trái phiếu tương ứng với giá trị 300 tỷ đồng.

**Trái phiếu phát hành lần 3 năm 2021:**

- + Mã trái phiếu: EVSH2123003;
- + Khối lượng phát hành: 30.000 trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 19/04/2021;
- + Ngày đáo hạn: 19/04/2023;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng;
- + Mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ;
- + Lãi suất trái phiếu: 10%/năm;
- + Khối lượng trái phiếu lưu hành tại ngày 30/06/2021: 27.168 trái phiếu tương ứng với giá trị 271,68 tỷ đồng.

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần PAC Quốc tế	39.690.000.000	-
Bùi Gia Bách	-	270.799.750
Phải trả các đối tượng khác	3.438.074.366	1.825.987.250
	<b>43.128.074.366</b>	<b>2.096.787.000</b>

**b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	39.690.000.000	-
Phải trả cho người bán khác	3.438.074.366	2.096.787.000
	<b>43.128.074.366</b>	<b>2.096.787.000</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.376.438	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.971.754.637	65.751.568
Thuế Thu nhập cá nhân	6.216.675.559	4.646.159.175
Các loại thuế khác	41.942.635	38.216.250
	<b>18.235.749.269</b>	<b>4.750.126.993</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	11.333.524.887	319.903.696
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	7.256.592.886	3.786.975.636
Thù lao Hội đồng quản trị	408.500.000	63.300.000
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	701.755.027	323.250.744
	<b>19.700.372.800</b>	<b>4.493.430.076</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Tiền đặt cọc, phí cơ hội và lãi phải trả tiền đặt cọc hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán	19.000.000.000	23.178.469.179
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.624.749	33.025.329
	<b>19.773.277.483</b>	<b>23.965.147.242</b>

**20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Trần Đình Lợi	9,17%	55.000.000.000	9,17%	55.000.000.000
Ông Phạm Ninh Hải	7,50%	45.000.000.000	7,50%	45.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	9,50%	57.000.000.000	9,50%	57.000.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	5,50%	33.000.000.000	5,50%	33.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	9,50%	57.000.000.000	9,50%	57.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	9,00%	54.000.000.000	9,00%	54.000.000.000
Ông Phạm Xuân Thành	9,50%	57.000.000.000	9,50%	57.000.000.000
Các cổ đông khác	40,33%	242.004.000.000	40,33%	242.004.000.000
	<b>100%</b>	<b>600.004.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>600.004.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	183.932.912.111	117.805.286.634
Lợi nhuận chưa thực hiện	157.744.245.663	48.252.825.287
	<b>341.677.157.774</b>	<b>166.058.111.921</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	117.805.286.634	110.190.418.071
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	109.491.420.376	22.095.539.032
Lãi/lỗ đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	68.627.625.477	(18.344.245.660)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	186.432.912.111	91.846.172.411
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.500.000.000)	(400.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.500.000.000)	(400.000.000)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán</b>	<b>183.932.912.111</b>	<b>91.446.172.411</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2020	100,00%	166.058.111.921
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,51%	2.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	98,49%	163.558.111.921

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	253.389.890.000	126.907.010.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.936.000.000	-
	<b>256.325.890.000</b>	<b>126.907.010.000</b>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.550.000
	<b>1.530.000</b>	<b>1.550.000</b>

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	200.000.000	-
	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	30.000.020.000	30.000.000.000
	<b>30.000.020.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.831.772.520.000	3.524.365.950.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	259.863.400.000	59.392.560.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	554.885.450.000	320.665.450.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.406.010.000	530.840.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	137.193.780.000	313.581.770.000
	<b>4.824.121.160.000</b>	<b>4.218.536.570.000</b>

**26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.002.520.000	18.045.590.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	<b>18.152.520.000</b>	<b>18.195.590.000</b>

**27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	117.796.010.000	278.644.000.000
	<b>117.796.010.000</b>	<b>278.644.000.000</b>

**28 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	117.011.383.603	372.217.787.440
1. Nhà đầu tư trong nước	116.611.623.917	372.161.702.831
2. Nhà đầu tư nước ngoài	399.759.686	56.084.609
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	256.012.664.000	115.750.120.900
1. Nhà đầu tư trong nước	256.012.664.000	115.750.120.900
Tiền gửi của tổ chức phát hành	481.283.900	134.038.000
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	481.283.900	134.038.000
	<b>373.505.331.503</b>	<b>488.101.946.340</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>117.011.383.603</b>	<b>372.217.787.440</b>
1.1. Nhà đầu tư trong nước	116.611.623.917	372.161.702.831
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	399.759.686	56.084.609
<b>2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>256.012.664.000</b>	<b>115.750.120.900</b>
2.1. Nhà đầu tư trong nước	256.012.664.000	115.750.120.900
	<b><u>373.024.047.603</u></b>	<b><u>487.967.908.340</u></b>

**30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	481.283.900	134.038.000
	<b><u>481.283.900</u></b>	<b><u>134.038.000</u></b>

**31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Phải trả nghiệp vụ margin</b>	<b>964.421.579.098</b>	<b>501.265.976.029</b>
1.1 Phải trả gốc margin	964.421.579.098	501.265.976.029
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	964.421.579.098	501.265.976.029
<b>2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>101.234.420.393</b>	<b>11.250.301.573</b>
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	101.234.420.393	11.250.301.573
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	101.234.420.393	11.250.301.573
	<b><u>1.065.655.999.491</u></b>	<b><u>512.516.277.602</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**32 . THU NHẬP****a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	315.268.870.000	287.633.651.500	31.204.653.900	(3.569.435.400)	46.745.017.570	(61.838.750.480)		
Trái phiếu niêm yết	830.011.573.300	835.062.203.848	394.561.007	(2.445.191.555)	278.498.214	-		
Trái phiếu chưa niêm yết	4.188.038.200.292	4.186.337.411.851	1.700.788.441	-	356.806.626	-		
	<b>5.333.318.643.592</b>	<b>5.309.033.267.199</b>	<b>33.300.003.348</b>	<b>(6.014.626.955)</b>	<b>47.380.322.410</b>	<b>(61.838.750.480)</b>		

35  
KIỂM  
A  
KIỂM  
NG  
HIỆM  
KIẾ  
110  
VE  
NG  
TY  
25



b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2021		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	417.562.533.506	617.173.840.340	207.310.857.640	(7.699.550.806)	62.753.204.756	(6.173.392)	157.129.488.110	(20.265.212.640)
Cổ phiếu niêm yết	356.718.995.366	556.333.188.000	207.310.857.640	(7.696.665.006)	62.753.204.756	(3.287.592)	157.129.488.110	(20.265.212.640)
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	(2.885.800)	-	-
Trái phiếu niêm yết	60.840.652.340	60.840.652.340	-	-	-	-	-	-
	<b>417.562.533.506</b>	<b>617.173.840.340</b>	<b>207.310.857.640</b>	<b>(7.699.550.806)</b>	<b>62.753.204.756</b>	<b>(6.173.392)</b>	<b>157.129.488.110</b>	<b>(20.265.212.640)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) <b>Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.812.128.857	527.499.700
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	2.924.331.007
Từ các khoản cho vay	38.305.300.575	28.055.918.318
	<b>45.117.429.432</b>	<b>31.507.749.025</b>
d) <b>Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>12.143.394.429</b>	-
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	12.143.394.429	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>12.143.394.429</b>	-
33 . <b>CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
<b>Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác</b>	<b>2.533.876.299</b>	-
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	2.509.876.299	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	24.000.000	-
	<b>2.533.876.299</b>	-
34 . <b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	1.585.500.394	595.807.782
	<b>1.585.500.394</b>	<b>595.807.782</b>
35 . <b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.932.225.761	16.831.976.439
	<b>14.932.225.761</b>	<b>16.831.976.439</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**36 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	6.714.079.364	6.894.968.796
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	391.227.855	590.866.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	417.669.784	385.795.724
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	429.747.102	325.361.162
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.598.254.218	5.963.910.378
	<b>11.556.978.323</b>	<b>14.166.902.560</b>

**37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

**37.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	221.270.700.513	9.275.178.130
Các khoản điều chỉnh tăng	20.289.212.640	54.760.314.240
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	24.000.000	729.334.740
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC	20.265.212.640	54.030.979.500
Các khoản điều chỉnh giảm	(162.665.915.321)	(82.177.902.990)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.232.676.800)	(527.499.700)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(2.303.750.411)	-
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC	(157.129.488.110)	(81.650.403.290)
Thu nhập chịu thuế TNDN	78.893.997.832	(18.142.410.620)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>15.778.799.566</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	65.751.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.872.796.497)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>11.971.754.637</b>	<b>-</b>
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND

**37.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	27.372.855.094	12.299.139.714
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước	12.549.406.272	250.266.558
	<b>39.922.261.366</b>	<b>12.549.406.272</b>

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động</b>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	27.372.855.094	5.523.884.758
	<b>27.372.855.094</b>	<b>5.523.884.758</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	178.119.045.853	3.751.293.372
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	178.119.045.853	3.751.293.372
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.000.400	60.000.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.969</b>	<b>63</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021, Công ty có kế hoạch phát hành 40.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định hiện hành và 3.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Tuy nhiên, Công ty chưa dự tính lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa xác định được lãi của các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	39.008.854.369	-	124.647.915.295	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	673.153.840.340	-	229.242.286.810	-
Các khoản cho vay	1.065.655.999.491	(7.022.618.481)	512.516.277.602	(9.326.368.892)
Các khoản phải thu	52.976.520.000	(24.000.000)	24.000.000	-
	<b>1.830.795.214.200</b>	<b>(7.046.618.481)</b>	<b>866.430.479.707</b>	<b>(9.326.368.892)</b>
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Vay và nợ			765.040.867.306	51.100.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			66.019.106.805	27.872.908.079
Chi phí phải trả			19.700.372.800	4.493.430.076
			<b>850.760.346.911</b>	<b>83.466.338.155</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	673.153.840.340	-	-	673.153.840.340
	<u>673.153.840.340</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>673.153.840.340</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	229.242.286.810	-	-	229.242.286.810
	<u>229.242.286.810</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>229.242.286.810</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền	39.008.854.369	-	-	39.008.854.369
Các khoản cho vay	1.058.633.381.010	-	-	1.058.633.381.010
Các khoản phải thu	52.952.520.000	-	-	52.952.520.000
	<b>1.150.594.755.379</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.150.594.755.379</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền	124.647.915.295	-	-	124.647.915.295
Các khoản cho vay	503.189.908.710	-	-	503.189.908.710
Các khoản phải thu	24.000.000	-	-	24.000.000
	<b>627.861.824.005</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>627.861.824.005</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Vay và nợ	193.360.867.306	571.680.000.000	-	765.040.867.306
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	66.019.106.805	-	-	66.019.106.805
Chi phí phải trả	19.700.372.800	-	-	19.700.372.800
	<b>279.080.346.911</b>	<b>571.680.000.000</b>	<b>-</b>	<b>850.760.346.911</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	51.100.000.000	-	-	51.100.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	27.872.908.079	-	-	27.872.908.079
Chi phí phải trả	4.493.430.076	-	-	4.493.430.076
	<b>83.466.338.155</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>83.466.338.155</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	51.015.489.721	197.241.620.315	73.004.096.818	56.536.876.822	377.798.083.676
Chi phí hoạt động	43.006.244.364	25.661.613.421	58.844.396.223	4.111.425.465	131.623.679.473
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	1.585.500.394
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	26.489.204.084
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>8.009.245.357</b>	<b>171.580.006.894</b>	<b>14.159.700.595</b>	<b>52.425.451.357</b>	<b>221.270.700.513</b>
Chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	5.998.182.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	726.106.360.340	-	1.058.633.381.010	1.784.739.741.350
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	81.513.802.600
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>726.106.360.340</b>	<b>-</b>	<b>1.058.633.381.010</b>	<b>1.866.253.543.950</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	22.117.754.956	39.690.000.000	-	626.000.000	62.433.754.956
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	850.138.631.220
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>22.117.754.956</b>	<b>39.690.000.000</b>	<b>-</b>	<b>626.000.000</b>	<b>912.572.386.176</b>

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, Số 19 Nguyễn Trãi,  
Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
<b>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty</b>	<b>2.480.817.138</b>	<b>2.340.933.527</b>
Ông Lê Bảo Thắng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	429.000.000	6.000.000
Bà Phùng Tố Hoa - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	9.000.000	-
Ông Lưu Đức Quang - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Bà Bùi Việt Anh - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Ông Bùi Công Thiện - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000
Ông Vũ Hồng Sơn - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	-	1.237.266.600
Ông Nguyễn Hải Châu - Thành viên Hội đồng quản trị	165.000.000	21.000.000
Bà Đoàn Thị An - Thành viên Hội đồng quản trị	42.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Chung - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	970.481.463	-
Bà Ngô Thị Thu Hương - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	865.335.675	415.824.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	22.080.927
Ông Ngô Đăng Triều - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	611.762.000
<b>Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty</b>	<b>12.000.000</b>	<b>36.000.000</b>

**43 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.


Nguyễn Bích Hằng  
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởngNguyễn Thành Chung  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021